| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG NĂNG**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2022
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Tạ Thanh Hoàng.
*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Đăng Huấn.
2. Ông Y Míp Niê.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Công Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị M - (có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
+ Bị đơn: Anh Hoàng Văn M (tên gọi khác: Hoàng Xuân M) - (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:* Chị M và anh M kết hôn vào ngày 23/6/2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh N. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng nên anh M đã bỏ đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Chị M đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh M mất tích theo quy định pháp luật. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2021/QĐST-VDS ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã tuyên bố anh M mất tích. Nay chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết cho chị M được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị M và anh M có 03 con chung gồm cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 25/03/2001, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 12/9/2004, cháu Hoàng Văn V1, sinh ngày 25/12/2008.

Hiện nay, cháu V đã đủ tuổi trưởng thành nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1, cháu T đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về Tố tụng*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trần Thị M chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M, xử:

*Quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn M (tên gọi khác: Hoàng Xuân M).

*Về con chung:* Giao cháu Hoàng Văn V1, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 12/9/2004 cho chị Trần Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 25/03/2001 đã đủ tuổi thành niên, ở với ai là quyền của các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về cấp dưỡng:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về tài sản chung* và *nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về án phí:* Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M với anh M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh M đã bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì, nên chị M đã khởi kiện xin ly hôn anh M tại Tòa án. Như vậy, tranh chấp giữa chị M và anh M là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện đúng quy định và đã đóng tạm ứng án phí. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Do anh M đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay không biết anh M ở đâu, làm gì nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh M là hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2015 thì anh M bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì. Năm 2021, chị M đã có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tuyên bố mất tích đối với anh M và Tòa án đã tuyên bố anh M mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay anh M không quay về và cũng không có ai yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố anh Mừng mất tích. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Mến với anh Mừng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị M được ly hôn anh M nhằm đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của chị M.

[4.2]. Về con chung: Chị M với anh M có 03 con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 25/03/2001, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 12/9/2004, cháu Hoàng Văn V1, sinh ngày 25/12/2008.

Đối với cháu Hoàng Văn V đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Hoàng Văn V, cháu Hoàng Thị T hiện nay đang sinh sống với chị M và cháu V, cháu T có nguyện vọng xin được ở với chị M, anh M đã bỏ đi khỏi địa phương. Hội đồng xét xử cần giao cháu V1, cháu T cho chị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu V1, cháu T. Trường hợp anh M quay về hoặc chị M có tin tức xác thực về nơi cư trú của anh M, thì chị M và anh M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4.4]. Về phân chia tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị M phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 195; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mến.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn M (tên gọi khác: Hoàng Xuân M).

- *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Văn V1, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 12/9/2004 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số 60AA/2021/0003099 ngày 25 tháng 11 năm 2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Tạ Thanh Hoàng**